

# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THANH BÌNH

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THANH BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109896289

3. Ngày thành lập: 24/01/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865691782

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43 Nghị định Số: 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy)                                    | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy ( hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                | 4669        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc, Hoạt động đo đạc và bản đồ, Hoạt động đo đạc và bản đồ, Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước, Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác | 7110(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy<br>(Điều 44 Nghị định Số: 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy) | 2829 |
| 8.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510 |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>( không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường )                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101 |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4211 |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212 |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4229 |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4299 |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                        | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 380.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức               | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ TÚ NAM         | Đội 5, Thôn Mã<br>Kiều, Xã Phương<br>Trung, Huyện<br>Thanh Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 95.000        | 950.000.000              | 25,000       | 0010780069<br>17                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số                            | 95.000        | 950.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGHIÊM THỊ<br>ANH | Đội 5, Thôn Mã<br>Kiều, Xã Phương<br>Trung, Huyện<br>Thanh Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 190.000       | 1.900.000.000            | 50,000       | 0011820109<br>67                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số                            | 190.000       | 1.900.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                            |                           |        |             |        |              |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ VĂN CUÔNG | Thôn Tây Sơn, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 95.000 | 950.000.000 | 25,000 | 001080015678 |
|   |              |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                            | Tổng số                   | 95.000 | 950.000.000 | 25,000 |              |
|   |              |                                                                            |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGHIÊM THỊ ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001182010967

Ngày cấp: 21/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Đội 5, Thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 5, Thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội